

# VÀI SUY NGHĨ VỀ CHÍNH SÁCH NGÔN NGỮ VIỆT NAM VÀ VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐÓ

HOÀNG THỊ CHÂU

Chính sách ngôn ngữ hiểu theo nghĩa hẹp là đường lối chính trị của các âm quyền để sử dụng ngôn ngữ làm công cụ thông tin trong xã hội mà họ chính quyền sao cho có lợi nhất đối với họ. Do đó chính sách ngôn ngữ ở nước mỗi khác và của các chính phủ khác nhau trong cùng một quốc gia khác. Trước đây thực dân Pháp chủ trương đặt chữ viết và dạy tiếng dân thiểu số song song với tiếng Pháp và cấm dạy tiếng Việt ở vùng dân tộc. Chính sách này lộ rõ ý đồ chia rẽ người Kinh với người Thượng. Sau này Ngô Diệm lại cấm dạy và học chữ dân tộc ở Tây Nguyên và các nơi có người thiểu số, và bắt buộc mọi người học tiếng Việt. Sau khi Diệm đổ, Mỹ lại gửi sang và các nhà ngôn ngữ học để giúp đỡ chính phủ Nguyễn Văn Thiệu xây dựng chính sách chữ dân tộc và tiến hành làm sách, dạy võ lòng và cấp I bằng tiếng các dân tộc ở miền Nam nước ta.

Một việc làm với dáng vẻ khoa học và nhân đạo như thế cũng không che được âm mưu xây dựng những khu tự trị với lực lượng vũ trang riêng (RO) do Mỹ chỉ huy và tài trợ.

Chính sách ngôn ngữ ở các nước xã hội chủ nghĩa là một bộ phận của chính sách dân tộc tự quyết nhằm giải phóng các dân tộc bị áp bức, đảm bảo bình đẳng, dân chủ giữa các dân tộc. Chính sách này đã được V. I. Lênin ủng hộ thành một bản đề cương «Cách mạng xã hội chủ nghĩa và quyền dân tộc tự quyết» năm 1916 (1). Chính sách ngôn ngữ trong cuộc cách mạng XHCN được hiểu là những chủ trương gắn liền với đường lối cách mạng, với cuộc tranh giải phóng các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Đúng trên lập trường này có thể thấy rõ ràng, Pháp và Mỹ là những kẻ xâm lược nước ta không phải là những người đi giải phóng các dân tộc thiểu số, và việc làm chữ viết và sách học cho các dân tộc là có ý đồ riêng.

Chính sách ngôn ngữ ở các nước có thể rất khác nhau nhưng đều nhằm mục đích 3 mối quan hệ giữa:

- Ngôn ngữ bản địa và ngôn ngữ châu Âu (của nước thực dân cũ)
- Ngôn ngữ văn hóa, tôn giáo và ngôn ngữ sinh hoạt, phương ngữ
- Ngôn ngữ quốc gia và ngôn ngữ các dân tộc thiểu số.

tiếng mẹ đẻ. Do đó một yêu cầu cấp bách đặt ra là phải có sách học tiếng Việt một ngoại ngữ cho người dân tộc. Chương trình ở vùng dân tộc phải được khác với chương trình ở vùng xuôi là có nhiều giờ học tiếng Việt hơn, chứ không phải bớt giờ học tiếng Việt để thêm giờ học tiếng dân tộc. Cần mở lớp vỡ lòng tăng thêm năm học để dạy tiếng Việt. Sau đó có thể dạy chương trình bình thường để giáo viên có đủ thì giờ giải thích thêm bằng tiếng dân tộc. Để hiện chương trình đó cần biên soạn bộ sách cấp I riêng cho vùng cao.

Để cạnh chương trình và sách giáo khoa thì giáo viên là một nhân tố quan trọng. Giáo viên phải thông thạo tiếng Việt lẫn ngôn ngữ dân tộc mới đảm bảo tốt được chương trình nêu trên, cho nên giáo viên vỡ lòng và cấp I tốt nhất là người dân tộc hoặc là người Kinh lên ở vùng kinh tế mới. Công việc của giáo viên ở đây rõ ràng là khó khăn gấp đôi giáo viên bình thường cho nên cần có một chế độ đãi ngộ xứng đáng.

10. Vấn đề dạy chữ và tiếng dân tộc. Không cần phải dùng chữ và tiếng của người các dân tộc để dạy học cho con em họ. Ở những vùng có nhiều dân tộc xa xôi thì thường là ngôn ngữ của dân tộc đông người nhất trong địa phương dùng làm ngôn ngữ giao tiếp trong xã hội, những ngôn ngữ khác có chức năng xã hội kém hơn, chỉ sử dụng trong nhóm người đồng tộc và trong gia đình. Ở mọi người trong vùng đều nói thạo tiếng dân tộc mình và ngôn ngữ giao tiếp xã hội có khi còn nói thạo một vài ngôn ngữ dân tộc khác trong vùng. Hiện tượng này gọi là dân cư song ngữ hay đa ngữ. Như thế tiếng dân tộc cần được dạy ở toàn vùng là ngôn ngữ giao tiếp xã hội. Việc điều tra sự phân bố các ngôn ngữ với số lượng dân cư, tình hình song ngữ, đa ngữ, ngôn ngữ giao tiếp của địa phương là vô cùng cần thiết để qui hoạch việc dạy chữ và tiếng dân tộc nào cần dạy ở đâu, đến lớp nào hay dạy bằng tiếng Việt.

Cần phân nhóm các ngôn ngữ có chữ cổ, chữ mới, và chưa có chữ để có pháp giải quyết khác nhau:

1. Những hệ thống chữ cổ đã ghi lại cả một truyền thống văn hóa như chữ Khơ me, chữ Thái cổ cần được học để nghiên cứu văn hóa và phát huy truyền thống dân tộc. Nhưng những bộ chữ này không phải chữ latin nên học tập gặp nhiều khó khăn. Do đó có thể la tinh hóa và bắt đầu đưa vào giảng dạy trong các trường phổ thông cơ sở Lai Châu. Nhân dân Chăm ở Thuận Bình đang yêu cầu la tinh hóa chữ Chăm và Viện khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh đang tiến hành công việc này. Còn chữ và tiếng Khơ me tuy là ngôn ngữ ít người nước ta, nhưng đồng thời cũng là chữ và ngôn ngữ quốc gia nước láng giềng nên để nguyên chữ viết sẽ có lợi cho việc giao lưu văn hóa. Chẳng hạn chương trình truyền hình bằng tiếng Khơ me của đài truyền hình lần thơ được nhân dân Campuchia đón xem và rất hoan nghênh. Nếu chúng ta in bản sách báo bằng tiếng và chữ Khơ me thì không những đáp ứng được nhu cầu của nhân dân Khơ me ở nước ta, mà còn là phương tiện thông tin và giao lưu văn hóa với nước bạn.

Những bộ chữ theo hệ la tinh do thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đặt ra trước chúng ta có thể tiếp tục sử dụng. Rõ ràng là không cần thiết phải bóc lột sắt của chính phủ tư sản để làm lại đường sắt của chính quyền cách mạng. Những bộ chữ của Mỹ xây dựng tốt hơn và gần với chữ Việt hơn những

bộ chữ do Pháp làm trước đây, do có sự tham gia của các nhà ngôn ngữ học. Vậy nên dùng lại những bộ chữ này, và nếu có đôi chỗ bất tiện cho việc in máy, in ấn thì có thể thay đổi chút ít. Vì suy cho cùng thì không có một bộ nào được xem là hoàn thiện cả.

c) Đối với các ngôn ngữ chưa có chữ viết, có thể đặt chữ cho họ nếu tộc đó yêu cầu. Với những thành tựu của ngôn ngữ học ngày nay thì việc chữ viết cho các ngôn ngữ không có gì khó khăn cả. Đây chỉ là việc phiên tiếng nói, nói thế nào thì viết như thế. Những người có văn hóa ở những tộc mà hiện nay chưa có chữ viết, như những cán bộ người Dao chẳng hạn thường tự phiên âm tiếng mẹ đẻ của mình để ghi chép sổ sách, ghi lại văn dân gian và những sáng tác ngẫu hứng của mình. Việc làm chữ viết cho dân tộc có thể giao cho các nhà ngữ âm học. Chính quyền địa phương có thể phối hợp với các nhà ngôn ngữ học giảng dạy ở các trường Đại học đón địa phương mình như đại học Việt Bắc, Tây Nguyên, Đà Lạt, Huế, Qui Nhon, Cần Thơ... để làm việc này.

11. Việc đưa 3 nhóm ngôn ngữ trên vào chương trình giảng dạy không nhất loại như nhau. Chữ và tiếng dân tộc dùng để dạy vỡ lòng là rất cần thiết, nó như một cái cầu bắc vào tiếng Việt. Dạy chữ dân tộc tức là dạy cách chuyển lời nói hàng ngày bằng tiếng mẹ đẻ thành chữ viết. Sau đó dùng chữ dân tộc để học chữ Việt và tiếng Việt. Đối với các dân tộc không có chữ viết hoặc chữ viết không theo dạng la tinh có thể bằng con đường tắt, dạy nói tiếng Việt trước rồi dạy chữ viết sau không thông qua con đường dạy chữ dân tộc. Đối với nhóm ngôn ngữ ở cấp I chỉ nên tập trung dạy chữ dân tộc cho học sinh biết chép bằng ngôn ngữ của mình. Dạy « song ngữ » ở cấp I chủ yếu là dạy tiếng, tức là dạy tiếng Việt nhưng giải thích thêm bằng tiếng dân tộc.

Đối với các dân tộc nhóm a) không thể xem chữ và tiếng dân tộc là phương tiện bắc cầu để học chữ và tiếng Việt vì văn tự của họ không phải dạng la tinh. Hơn nữa, các dân tộc này có văn học truyền thống cho nên cần có chương trình ngữ văn dân tộc bổ sung thêm cho chương trình chung dạy ở cấp I hoặc cả cấp II và cấp III tùy theo bề dày của nền văn học truyền thống đó. Ngoài ra cần có chuyên đề nghiên cứu và giảng dạy các ngôn ngữ dân tộc như Chăm, Khơ me, Thái, chữ nôm Tây... ở khoa Ngữ văn trường Đại học. Đối với nhóm ngôn ngữ b) tùy theo mức độ phong phú của văn học dân gian mà bổ sung môn ngữ văn dân tộc vào chương trình II phổ thông cơ sở.